

# SỰ CẦN THIẾT LỒNG GHÉP CÁC BIẾN DÂN SỐ VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ở các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ hiện nay

ThS NGUYỄN THỊ YẾN

Học viện Chính trị khu vực III

1. Xuất phát từ quan điểm coi con người là trung tâm của quá trình phát triển, Đảng ta luôn khẳng định, dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lồng ghép các biến dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, mỗi vùng, mỗi địa phương là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hiện nay.

*Dân số* là một tập hợp người sống trên một lãnh thổ nhất định và tại một thời điểm xác định. Các thước đo thông dụng là quy mô dân số; phân bố dân số; cơ cấu dân số; chất lượng dân số...

*Quy mô dân số* là tổng số người sinh sống trong một quốc gia, khu vực, vùng kinh tế - xã hội hoặc một đơn vị hành chính tại một thời điểm, một khoảng thời gian nhất định.

*Cơ cấu dân số* là tổng số dân được phân nhóm theo giới tính, độ tuổi, dân tộc và các đặc trưng nhân khẩu học và kinh tế - xã hội khác.

*Chất lượng dân số* là sự phản ánh các đặc trưng về thể chất, trí tuệ và tinh thần của toàn bộ dân số.

*Phân bố dân số* là số dân trung bình trên một đơn vị lãnh thổ, thường được đo bằng số dân trên một km<sup>2</sup>.

Tất cả các yếu tố trên không phải bất biến mà thường xuyên biến đổi dựa theo sự biến đổi các yếu tố như mức sinh, mức chết, di cư, mức sống... bản thân các yếu tố này lại chịu sự chi phối của các quá trình kinh tế - xã hội cụ thể.

*Mức sinh* là biểu hiện thực tế của khả năng sinh sản của dân số.

Mức sinh chịu tác động bởi nhiều yếu tố như kinh tế, văn hóa, kỹ thuật, môi trường, sức khỏe và chính sách. Để đo lường và so sánh mức sinh giữa các vùng lãnh thổ hoặc giữa các thời điểm khác nhau, người quản lý không dùng các chỉ tiêu tuyệt đối như “số trẻ em mới sinh ra”, mà thường dùng các chỉ tiêu tương đối như “Tỷ suất sinh thô”, “Tổng tỷ suất sinh”; “Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi”... nghĩa là so sánh số trẻ mới sinh ra với một đoàn hệ số dân.

*Chết* (hay tử vong) là sự mất đi vĩnh viễn tất cả những biểu hiện của sự sống ở một thời điểm nào đó, sau khi có sự kiện sinh sống xảy ra (WHO).

Các thước đo mức chết có thể phản ánh mức chết của tổng thể dân số, cũng có thể phản ánh mức chết của một nhóm dân số nhất định, một đoàn hệ dân số. Các thước đo thông dụng là tỷ suất chết thô; tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi; tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi; tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống; tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh...

*Di cư* (hay biến động cơ học) là sự thay đổi nơi cư trú của con người từ một đơn vị lãnh thổ này đến một đơn vị lãnh thổ khác trong một khoảng thời gian xác định.

Mức di cư được giải thích như là kết quả của “lực hút” ở nơi đến và “lực đẩy” ở nơi đi. Ở các nước đang phát triển, “lực hút”/“lực đẩy” chủ yếu liên quan đến yếu tố thu nhập, việc làm. Các thước đo thông dụng: tỷ suất nhập cư; tỷ suất xuất cư, tỷ suất di cư thuần túy...

*Biến (variable)*, khái niệm biến thường được sử dụng như một đơn vị đo lường các giá trị thực tế của các quá trình kinh tế - xã hội nhất định tại những thời điểm cụ thể.

*Biến dân số (Population variable)* là biến gắn với các yếu tố dân số, cụ thể ở đây là quy mô dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số. Các giá trị của các biến dân số khác nhau sẽ khác nhau được sử dụng để xây dựng cơ chế chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có tính đến yếu tố dân số.

*Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội* là một công cụ quản lý và điều hành vĩ mô đời sống kinh tế - xã hội, là sự cụ thể hóa các mục tiêu định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội theo từng thời kỳ bằng các chỉ tiêu mục tiêu và chỉ tiêu, biện pháp định hướng phát triển và hệ thống chính sách, cơ chế áp dụng trong thời kỳ kế hoạch. Hiện nay, ở nước ta, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bao gồm kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm cấp quốc gia và cấp địa phương.

Do dân số - tập hợp dân cư liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội cả đầu vào (số lượng chất lượng nguồn nhân lực) lẫn đầu ra (chất lượng đời sống dân cư, trình độ phát triển con người) của các quá trình phát triển kinh tế - xã hội nên việc lồng ghép các biến dân số vào các kế hoạch phát triển là một yêu cầu cơ bản đảm bảo sự phát triển ở mỗi quốc gia, vùng, miền, địa phương.

**2.** Khu vực Duyên hải Nam Trung bộ trong bài viết này bao gồm các tỉnh, thành phố ven biển từ Đà Nẵng vào đến Khánh Hòa. Nằm ở trung độ của cả nước, khu vực này có diện tích tự nhiên hơn 33.000 km<sup>2</sup> với khá nhiều thuận lợi về điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa... cho sự phát triển nền kinh tế đa ngành có lợi thế cạnh tranh cao. Dân số năm 2019 là 7.452.808 người, mật độ dân số trung bình là 225 người/km<sup>2</sup>.

Cũng như các khu vực khác trong cả nước, sau gần 30 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

Tốc độ gia tăng dân số đã được khống chế thành công, tốc độ gia tăng dân số trung bình đạt dưới 1% từ

những năm 2000 và luôn được duy trì cho đến hiện nay. Cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực. Dân số trong độ tuổi lao động tăng mạnh. Dân số đã có sự phân bố hợp lý hơn, gắn với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hóa và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nếu trước đây, các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ chủ yếu là xuất cư với tỷ lệ rất cao - hầu hết các tỉnh trong khu vực đều xuất cư trên 10%<sup>2</sup> thì đến năm 2019, tỷ suất xuất cư đã giảm mạnh, tỷ suất di cư thuần túy (hiệu số giữa tỷ suất xuất cư - tỷ suất nhập cư) vì thế cũng giảm theo. Thay vì chủ yếu là xuất cư ngoại vùng thì những năm gần đây, tỷ suất di cư nội vùng đã tăng mạnh - chủ yếu là di cư từ nông thôn đến các đô thị trong khu vực. Từ đó, mức độ tập trung dân cư ở các đô thị lớn tăng nhanh tác động nhiều mặt đến các quá trình phát triển kinh tế xã hội. Tỷ lệ đô thị hóa trung bình toàn khu vực năm 2019 đạt 37,77%, cao hơn mức trung bình của cả nước.

Chất lượng dân số được cải thiện về nhiều mặt. Nhờ chế độ dinh dưỡng và chăm sóc y tế nâng lên, tình trạng suy dinh dưỡng, tử vong bà mẹ, trẻ em giảm mạnh. Từ đó, tầm vóc, thể lực người dân trong vùng có bước cải thiện, tuổi thọ không ngừng được tăng thêm. Đến năm 2019, đạt trên 73 tuổi, tương đương với tuổi thọ trung bình của cả nước; trình độ dân trí không ngừng được nâng lên; thu nhập và mức sống của người dân các tỉnh trong khu vực tăng nhanh, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm mạnh...

Tuy nhiên, bên cạnh một số biểu hiện tích cực, tình hình dân số ở các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ vẫn còn nhiều yếu tố tiêu cực liên quan đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững của các địa phương trong vùng. Chẳng hạn, hầu như các địa phương đều chưa có được hệ thống giải pháp đồng bộ phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số. Tình hình di cư từ nông thôn ra đô thị tập trung chủ yếu ở đối tượng người lao động trẻ cũng đang gây ra khá nhiều những vấn đề nan giải đối với đời sống kinh tế - xã hội ở cả khu vực xuất cư lẫn khu vực nhập cư nhưng chưa có giải pháp đảm bảo và phát triển bền vững.

Chất lượng đời sống của cư dân ở một số vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu xa chậm được cải thiện nhưng mức sinh ở khu vực này lại cao ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng dân số các địa phương trong vùng.

Trong khi đó, ở khu vực đô thị, vùng phát triển, tuổi kết hôn lần đầu của nam nữ thành niên đang có xu hướng gia tăng, tỷ lệ hộ độc thân tăng liên tục trong những năm qua, mức sinh ở nhóm đối tượng có học vấn, nghề nghiệp và thu nhập khá trở lên bắt đầu có xu hướng giảm xuống. Điều này không có lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở các địa phương trong tương lai.

Phân bố dân số, quản lý nhập cư, di dân còn nhiều bất cập. Việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người di cư ở nhiều đô thị, khu công nghiệp trong vùng còn nhiều hạn chế...

Tình hình trên chỉ ra, các biến dân số của các tỉnh thành trong vùng có quan hệ biện chứng chặt chẽ với các quá trình kinh tế - xã hội, đòi hỏi cấp thiết lồng ghép các biến dân số vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

**3.** Việc lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội phải đảm bảo các yếu tố dân số là trung tâm, tham gia trong tất cả các bước của quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Để lồng ghép các yếu tố dân số cần xác định cụ thể các biến dân số hay các chỉ số (index) lồng ghép trong kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực cụ thể. Do mỗi ngành, mỗi địa phương có đặc điểm, nguồn lực, mục tiêu phát triển khác nhau, nên không có công thức chung hay bộ chỉ số thống nhất mà mỗi ngành, mỗi địa phương sẽ chủ động xác định các chỉ số phù hợp, có đặc thù riêng. Việc lồng ghép các yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội không phải là lập một bản kế hoạch khác hay áp dụng quy trình lập kế hoạch khác, mà thực tế chỉ là bổ sung, làm sâu sắc hơn, rõ nét hơn yếu tố dân số (con người) trong phát triển. Cụ thể, công tác xây dựng kế hoạch cần đảm bảo những yêu cầu xác định thực trạng các vấn đề, các yếu tố, nguyên nhân khác nhau (như kinh tế - xã hội, dân số, môi trường....) trong các sự việc sau:

(1) Trong việc xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu, các yếu tố hay khía cạnh của dân số (con người) trong phát triển cần được cân nhắc trong quá trình xác định mục tiêu, chỉ tiêu.

(2) Trong việc xác định các giải pháp can thiệp, mỗi một yếu tố ảnh hưởng đến các tình trạng vấn đề

cụ thể nào đó, cần được chuyển hóa vào trong quá trình xác định các giải pháp chính sách hay các chương trình, dự án.

(3) Trong việc theo dõi, giám sát thực hiện kế hoạch, cần bảo đảm các chương trình, dự án đang hướng tới các nhóm dân số mục tiêu hay các nhóm đối tượng thụ hưởng đã được dự định trước.

Đối với các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ hiện nay, những vấn đề nổi cộm đòi hỏi sớm tính đến đảm bảo phát triển bền vững của các địa phương là:

*Thứ nhất*, kế hoạch phát triển kinh tế phải chú ý tối ưu hóa lợi thế cơ cấu dân số vàng trong giai đoạn hiện nay.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động của các tỉnh, thành phố trong vùng dao động trong khoảng 64 đến 70%. Điều này cho thấy, nguồn lực lao động ở các địa phương trong khu vực rất dồi dào. Tuy nhiên, trừ thành phố Đà Nẵng có chất lượng nguồn lực lao động tương đối cao: có 42% lao động từ 15 tuổi trở lên trải qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ từ sơ cấp trở lên; ở các địa phương khác trong vùng tỷ lệ lực lượng lao động qua đào tạo còn rất thấp: Khánh Hòa: 26,1%; Quảng Nam: 22,6%; Quảng Ngãi: 21,8%; Bình Định: 19,8%; Phú Yên: 17,7%.

Tình trạng đó đòi hỏi phải tăng cường công tác giáo dục - đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh cạnh tranh, hội nhập xu hướng phát triển chung của cả nước và thế giới hiện nay.

Đồng thời, để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định trật tự xã hội, hạn chế thất nghiệp, kế hoạch phát triển kinh tế của các địa phương trong vùng không thể không chú trọng phát triển các ngành nghề, lĩnh vực như là dệt may; giày da; nuôi trồng - chế biến thủy hải sản; chế biến nông lâm sản; thủ công mỹ nghệ... có khả năng tạo ra nhiều việc làm, việc làm tốt đảm bảo thu nhập và mức sống ngày càng cao cho người lao động - điều kiện cơ bản để nâng cao chất lượng dân số.

Như vậy, cần phải đặt các biến số về cơ cấu dân số theo độ tuổi, quy mô và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của lực lượng lao động trong mối quan hệ



chặt chẽ với kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, trình độ công nghệ của nền kinh tế. Cùng với sự cải thiện trình độ của lực lượng lao động, các địa phương trong vùng sẽ nâng cao trình độ công nghệ nền kinh tế một cách phù hợp.

*Thứ hai*, đối với các kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cần lồng ghép các biến dân số một cách phù hợp cho từng vùng, từng địa phương. Chẳng hạn, do cơ cấu dân số trẻ nên số trẻ em sinh ra trong thời gian gần đây và những năm tới ở tất cả các tỉnh thành trong khu vực vẫn luôn tăng, tập trung nhất là ở khu vực đô thị. Từ đó, số học sinh đến trường các cấp ở các địa phương trong vùng cũng liên tục tăng gây sức ép nghiêm trọng lên số lượng, chất lượng cơ sở giáo dục - đào tạo cũng như đội ngũ giáo viên, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng giáo dục. Ví dụ, rất nhiều trường tiểu học, trung học cơ sở ở thành phố Đà Nẵng hiện nay quy mô học sinh trên mỗi lớp học đã đạt mức tối đa theo quy định của ngành (40 học sinh/lớp), hầu hết các không gian trong trường đều được trưng dụng để làm lớp học nên không gian giành cho cây xanh, vườn hoa, sân chơi, nơi tập thể dục, nơi học mỹ thuật, âm nhạc... đều bị cắt giảm ảnh hưởng tiêu cực đến yêu cầu giáo dục toàn diện. Tình trạng này vẫn chưa có dấu hiệu giảm bớt bởi trên tháp tuổi dân số thành phố Đà Nẵng, tỷ lệ trẻ em 0 - 4 tuổi, 5 - 9 tuổi vẫn cao hơn hẳn so với các nhóm tuổi cao hơn. Ở các tỉnh khác trong vùng tình trạng cũng diễn ra tương tự, tập trung nhất ở khu vực thành phố, thị xã, thị trấn.

Trong khi đó, cũng có một số khu vực nông thôn, số lượng trẻ đến trường lại có xu hướng giảm dẫn đến tình trạng dư thừa trường lớp, giáo viên, gây lãng phí nguồn lực... Những vấn đề này cần được quy hoạch một cách rõ ràng trong định hướng đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục cũng như đào tạo, đào tạo lại đội ngũ giáo viên không chỉ nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo mà còn giảm bớt sự gia tăng tình trạng bất bình đẳng trong giáo dục, đào tạo giữa nông thôn và đô thị.

*Thứ ba*, tình trạng già hóa dân số cần được tính đến trong các chính sách xã hội nhằm đảm bảo chất lượng đời sống cho mọi người dân. Cũng như các khu vực khác trong cả nước, cùng với sự gia tăng tuổi thọ trung bình, trong thời gian qua, tốc độ tăng dân số ở

nhóm 65 tuổi trở lên cao hơn nhiều so với tốc độ tăng dân số. Tuy nhiên, mặc dù tuổi thọ tăng nhanh nhưng tình trạng sức khỏe của người dân nói chung, người cao tuổi nói riêng ở các địa phương trong vùng chưa thật tốt. Vì nhiều lý do khác nhau, chất lượng đời sống vật chất, tinh thần, chế độ chăm sóc y tế của người cao tuổi chậm được cải thiện. Điều này đòi hỏi kế hoạch phát triển kinh tế, an sinh xã hội và các dịch vụ về y tế, văn hóa, thể thao phải chú trọng lồng ghép. Cụ thể, trong chiến lược phát triển ngành y tế, chăm sóc sức khỏe người dân cần lưu ý phát triển chuyên ngành lão khoa cũng như phát triển các bệnh viện, trung tâm dưỡng lão đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu phần lớn người dân. Cho đến hiện nay, hầu hết các địa phương trong khu vực, kể cả thành phố lớn như Đà Nẵng, lĩnh vực này chưa được quan tâm phát triển. Số lượng các bệnh viện, trung tâm dưỡng lão, nhất là trung tâm dưỡng lão có chất lượng tốt còn rất ít, chủ yếu là mới có một vài trung tâm phục hồi chức năng, chăm sóc người có công với cách mạng, một số trung tâm bảo trợ xã hội đã chú ý đến đối tượng người già cô đơn không nơi nương tựa nhưng chất lượng dịch vụ còn rất thấp, không đáp ứng được yêu cầu dưỡng lão của các đối tượng khác.

Hầu hết các địa phương, nhất là các đô thị lớn, chưa thật chú trọng xây dựng không gian văn hóa, thể dục thể thao cho người già. Các môi trường xã hội giúp người già có thể sống khỏe, sống có ích chưa nhiều...

*Thứ tư*, các biến dân số về đô thị hóa cũng cần được chú trọng trong quy hoạch phát triển đô thị. Trong thời gian qua, một số đô thị như Đà Nẵng, Nha Trang đã không thực hiện tốt việc lồng ghép các biến dân số (cả về số lượng lẫn chất lượng dân số) trong quy hoạch, xây dựng phát triển đô thị dẫn đến nhiều vấn đề bức xúc như tình trạng ùn tắc giao thông; thiếu bến bãi đậu đỗ xe; thiếu điện, thiếu nước sinh hoạt vào thời gian cao điểm; ô nhiễm môi trường. Trong giai đoạn sắp tới, các biến dân số đô thị còn cần phải được lồng ghép tốt trong các kế hoạch khai thác quỹ đất, phát triển quỹ nhà ở nhằm ngăn chặn nguy cơ thiếu nhà ở, giá nhà ở quá cao so với thu nhập của đa số người lao động khiến chất lượng đời sống dân cư giảm sút...

*Thứ năm*, như trên đã trình bày, nhìn vào tốc độ tăng dân số, vào số con trung bình của mỗi người

phụ nữ trong độ tuổi sinh sản, tất cả các địa phương trong vùng đều ổn định ở mức sinh thay thế (xấp xỉ 2 con/1 phụ nữ), tốc độ gia tăng dân số ổn định ở mức thấp. Đây là tín hiệu đáng mừng trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 10 - 20 năm tới. Tuy nhiên, nhìn vào hiện tại, mức tăng dân số ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ hiện nay chủ yếu là do cơ cấu dân số trẻ, số người trong độ tuổi sinh sản cao, trong khi sự gia tăng chất lượng dân số lại làm mức tử, đặc biệt là tử vong trẻ em giảm nhanh nên mức tăng dân số hàng năm vẫn tương đối cao. Nhưng nếu nhìn vào các biến số như tuổi kết hôn lần đầu của phụ nữ đang có xu hướng tăng lên, số con của mỗi phụ nữ, nhất là phụ nữ có trình độ học vấn cao có xu hướng giảm nhanh, tỷ lệ hộ độc thân tăng liên tục trong 10 năm qua thì mức tăng dân số tự nhiên của vùng sau này sẽ giảm nhanh. Tình trạng già hóa dân số ngày càng cao - sự thiếu hụt nguồn nhân lực trẻ cho phát triển kinh tế - xã hội là một nguy cơ hiện thực đe dọa sự phát triển bền vững của mỗi địa phương. Do vậy, trong giai đoạn sắp tới, trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội, các địa phương cần phải chú trọng đến các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, nâng cao chất lượng sinh sản, khuyến khích phụ nữ, nhất là phụ nữ có trình độ học vấn cao sớm kết hôn, sinh con. Cần có những giải pháp ngăn ngừa tình trạng một số cơ

sở sử dụng lao động - nhất là các doanh nghiệp tư nhân, đưa vào hợp đồng lao động các điều khoản có ý ngăn ngừa lao động nữ trẻ kết hôn sinh con...

Như vậy, việc lồng ghép các biến dân số vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội không chỉ dừng ở các biến sẵn có mà còn phải chú ý tính quy luật của các quá trình dân số để hoạch định chính sách dài lâu, định ra các mục tiêu, giải pháp phù hợp đảm bảo sự phát triển bền vững.

Việc lồng ghép để có hiệu quả luôn yêu cầu phải có số liệu dân số và kinh tế - xã hội đảm bảo chất lượng. Thông thường, ở từng địa phương, số liệu thống kê về dân số và kinh tế - xã hội có thể tổng hợp hàng năm, 5 năm (điều tra giữa kỳ) hoặc 10 năm. Phân tích các biến dân số cùng với các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cũng là một việc quan trọng, chỉ ra được điểm trọng tâm ưu tiên, tính quy luật của các quá trình dân số cũng như kinh tế - xã hội để từ đó định ra mục tiêu, phương pháp trong xây dựng mục tiêu, giải pháp, lựa chọn nguồn lực, trong tổ chức thực hiện hiệu quả... đảm bảo mục tiêu sau cùng là phát triển bền vững kinh tế - xã hội cũng như phát triển con người bền vững.

---

1. Các số liệu về dân số năm 2019 trong bài là lấy từ kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

2. Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục thống kê năm 2009.

---

## XÂY DỰNG THỂ CHẾ, CƠ CHẾ ĐẤU TRANH NGĂN CHẶN....

*Tiếp theo trang 41*

dựng được hệ thống các giải pháp về xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật trong tình hình mới.

---

1. Phạm Quang Thanh: *Văn học, nghệ thuật không thể đứng ngoài chính trị*, tạp chí Quốc phòng toàn dân, ngày 25 - 3 - 2019.

2. <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Chinh-tri/908358/toan-van-bai-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nhan-70-na-m-thanh-lap-lien-hiep-cac-hoi-van-hoc-nghe-thuat-viet-nam>, (25 - 7 - 2018).

3. Đào Duy Quát: *Nâng cao chất lượng, hiệu quả phê bình văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*,

<http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2018/53414/Nang-cao-chat-luong-hieu-qua-phe-binh-van-hoc-nghe-thuat.aspx>. (7 - 9 - 2019).

4. Các thành viên của Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam gồm: Hội Nhà văn Việt Nam; Hội Mỹ thuật Việt Nam; Hội Nhạc sĩ Việt Nam; Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam; Hội Kiến trúc sư Việt Nam; Hội Điện ảnh Việt Nam; Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam; Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam; Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam; Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam và các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (các Hội Văn học nghệ thuật địa phương).